

# CẠN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

*Mai Phạm Duy\**  
*Mai Huỳnh Châu\*\**

**Tóm tắt:** Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022 (Luật SHTT) quy định một số hạn chế về quyền đối với giống cây trồng như những trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền đối với giống cây trồng hoặc bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng... Trong những hạn chế này, có quy định quyền đối với giống cây trồng không được áp dụng đối với các hành vi liên quan đến vật liệu của giống cây trồng được bảo hộ do chủ bằng bảo hộ hoặc người được chủ bằng bảo hộ cho phép bán hoặc bằng cách khác đưa ra thị trường Việt Nam hoặc thị trường nước ngoài. Quy định này được cụ thể hóa từ lý thuyết cạn quyền sở hữu trí tuệ - một lý thuyết về sở hữu trí tuệ đã hình thành từ thế kỷ XIX và được thừa nhận, cụ thể hóa thành điều luật tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Qua bài viết, nhóm tác giả sẽ làm rõ những đặc trưng của cạn quyền đối với giống cây trồng và phân tích về hiệu lực chưa rõ ràng của quy định cạn quyền đối với giống cây trồng để đề xuất, gợi mở hướng hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam.

**Từ khóa:** Luật Sở hữu trí tuệ, lý thuyết cạn quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, Công ước UPOV.

**Abstract:** The 2005 Intellectual Property Law, amended 2009, 2019 and 2022 (the IP Law), stipulates a number of limitations on the rights to plant varieties, such as exceptions that do not infringe those rights or requirements concerning the transfer of rights to use plant varieties. Among these limitations, there is a provision that the rights to plant varieties do not apply to acts relating to materials of protected plant varieties that are sold or otherwise lawfully placed on the Vietnamese or foreign markets by the owner of the protection certificate or a person authorised by the owner of the protection certificate. This provision gives concrete effect to the doctrine of intellectual property exhaustion – a doctrine of intellectual property that emerged in the 19th century and has been recognized and incorporated into the laws of many countries, including Vietnam. Through this article, the authors clarify the characteristics of the exhaustion of rights to plant varieties and analyze the limited effectiveness of the current provisions on the exhaustion of rights to plant varieties, thereby proposing directions for improving Vietnam's intellectual property legislation.

**Keywords:** Intellectual Property Law; the exhaustion doctrine; rights to plant varieties; the UPOV Convention.

## **Đặt vấn đề**

Lý thuyết cạn quyền sở hữu trí tuệ được hình thành khá sớm, khởi đầu từ phán quyết

của Tòa tối cao Hoa Kỳ trong vụ kiện về sáng chế giữa Adams và Burke năm 1873. Sau đó, lý thuyết cạn quyền sở hữu trí tuệ được mở rộng sang các nhóm quyền sở hữu trí tuệ khác như quyền tác giả, quyền đối với giống cây trồng và được thừa nhận, cụ

\* ThS., Thanh tra Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

\*\* ThS., Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh.

thể hóa thành các điều luật trong pháp luật sở hữu trí tuệ của nhiều quốc gia (hoặc tồn tại trong các phán quyết của Tòa án các nước thuộc hệ thống Thông luật). Cạm quyền đối với giống cây trồng đã được quy định thành điều luật trong pháp luật của Hoa Kỳ<sup>1</sup>, quy định về quyền đối với giống cây trồng trong Cộng đồng kinh tế chung châu Âu<sup>2</sup> (EEC), Luật Quyền của người lai tạo giống năm 1994 của Australia<sup>3</sup>...

Trên phương diện quốc tế, Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (Công ước UPOV) năm 1961, sửa đổi năm 1972, 1978 và 1991 tại Điều 16 quy định về tình trạng khai thác hết quyền của nhà tạo giống. Đây chính là điều khoản cụ thể hóa lý thuyết cạm quyền sở hữu trí tuệ đối với giống cây trồng. Việt Nam đã ban hành Luật SHTT năm 2005 quy định những nội dung về quyền đối với giống cây trồng nói chung và cạm quyền đối với giống cây trồng nói riêng phù hợp với quy định của Công ước UPOV năm 1991, do đó, Việt Nam đủ điều kiện gia nhập và trở thành thành viên của Công ước từ ngày 24/12/2006.

Nhìn từ góc độ một trong ba nhóm quyền sở hữu trí tuệ, cạm quyền đối với giống cây trồng có nhiều điểm tương đồng

với quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp (Luật SHTT cũng quy định về cạm quyền tác giả và cạm quyền sở hữu công nghiệp<sup>4</sup>). Tuy vậy, cạm quyền đối với giống cây trồng cũng có những khác biệt nhất định, từ đó dẫn đến mức độ áp dụng và hiệu lực của điều khoản về cạm quyền đối với giống cây trồng cũng khác biệt so với hai nhóm quyền sở hữu trí tuệ còn lại.

### 1. Khái quát về cạm quyền đối với giống cây trồng

Lý thuyết cạm quyền sở hữu trí tuệ là một hạn chế quan trọng đối với độc quyền sở hữu trí tuệ của chủ sở hữu. Theo đó, khi người sở hữu sáng chế bán hoặc cho phép bán một thiết bị đã được cấp bằng sáng chế; hoặc khi chủ sở hữu quyền tác giả bán một bản sao của tác phẩm cho người tiêu dùng cá nhân; hoặc chủ sở hữu nhãn hiệu bán hàng hóa đã đăng ký nhãn hiệu thì tương ứng với đó, quyền kiểm soát thiết bị, bản sao tác phẩm hoặc hàng hóa đó đã “cạn kiệt”. Người tiêu dùng được tự do sử dụng sản phẩm đó dưới bất kỳ hình thức nào: Sử dụng công năng của sản phẩm, bán lại sản phẩm đó hoặc thậm chí tiêu hủy nó<sup>5</sup>. Tương tự đối với giống cây trồng, khi một vật liệu của giống cây trồng được bảo hộ do chủ bằng bảo hộ hoặc người được chủ bằng bảo hộ cho phép đưa ra thị trường thì chủ bằng bảo hộ mất quyền kiểm soát đối với vật liệu của giống cây trồng đó. Tuy nhiên, lưu ý rằng quyền sở hữu trí tuệ không thực sự “cạn kiệt”, bởi lẽ chủ thể quyền sở hữu trí

<sup>1</sup> Giống cây trồng ở Hoa Kỳ có thể được lựa chọn bảo hộ dưới ba dạng khác nhau, bao gồm: Sáng chế cây trồng, Sáng chế hữu ích, Bảo hộ giống cây trồng (Plant Variety Protection - PVP). Theo đó, đối với Sáng chế cây trồng hoặc Sáng chế hữu ích, cạm quyền được thừa nhận trong án lệ nổi tiếng trong vụ kiện về sáng chế giữa Adams và Burke năm 1873. Đối với Bảo hộ giống cây trồng, cạm quyền được quy định tại điểm d, Phần 111, Chương 11 Luật Bảo hộ giống cây trồng Hoa Kỳ.

<sup>2</sup> Điều 16 Quy định về quyền đối với giống cây trồng trong cộng đồng (Council Regulation (EC) No 2100/94).

<sup>3</sup> Điều 23 Luật Quyền của người lai tạo giống năm 1994 của Australia.

<sup>4</sup> Mai Phạm Duy, *Lý thuyết cạm quyền sở hữu trí tuệ trong pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Nghề luật, số 02/2024, tr.29-35.

<sup>5</sup> Michael V. Sardina, *Exhaustion and First Sale in Intellectual Property*, 51 Santa Clara L. Rev. 1055, 2011.

tuệ chi mất quyền kiểm soát đối với chính sản phẩm, hàng hóa, vật liệu của giống cây trồng đó chứ quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể quyền không bị mất đi, đặc biệt là các quyền về nhân thân.

Căn cứ phạm vi cạn quyền sở hữu trí tuệ về lãnh thổ, có thể chia cạn quyền sở hữu trí tuệ thành ba loại như sau: Cạn quyền trong phạm vi quốc gia (national exhaustion), cạn quyền trong phạm vi khu vực (regional exhaustion) và cạn quyền quốc tế (international exhaustion)<sup>6</sup>. Tương ứng với đó, cạn quyền đối với giống cây trồng cũng sẽ xảy ra ba trường hợp: Cạn quyền đối với giống cây trồng trong phạm vi quốc gia, cạn quyền đối với giống cây trồng trong phạm vi khu vực, cạn quyền đối với giống cây trồng trên phạm vi toàn cầu và có thể được diễn giải như sau:

*Thứ nhất*, cạn quyền đối với giống cây trồng trong phạm vi quốc gia: Chủ bằng bảo hộ giống cây trồng mất quyền kiểm soát đối với các hành vi liên quan đến vật liệu của giống cây trồng được bảo hộ do chủ bằng bảo hộ hoặc người được chủ bằng bảo hộ cho phép đưa ra thị trường một quốc gia (tạm gọi là quốc gia 1). Tuy nhiên, chủ bằng bảo hộ không mất quyền kiểm soát đối với các hành vi liên quan đến vật liệu của giống cây trồng được chủ bằng bảo hộ hoặc người được chủ bằng bảo hộ đưa ra thị trường tại một quốc gia khác (tạm gọi là quốc gia 2) khi vật liệu của giống cây trồng này được nhập khẩu vào quốc gia 1. Nghĩa là, trong phạm vi quốc gia 1, chủ bằng bảo hộ có

quyền ngăn chặn các hành vi liên quan đến vật liệu của giống cây trồng được mình đưa ra thị trường tại quốc gia 2.

*Thứ hai*, cạn quyền đối với giống cây trồng trong phạm vi khu vực: Tương tự như cạn quyền đối với giống cây trồng trong phạm vi quốc gia, tuy nhiên, cạn quyền đối với giống cây trồng trong phạm vi khu vực không giới hạn trong một quốc gia mà giới hạn trong một nhóm các quốc gia (thông thường là các quốc gia trong một Liên minh kinh tế hoặc một cộng đồng chung như: Cộng đồng kinh tế châu Âu - EEC, các quốc gia thành viên Tổ chức sở hữu trí tuệ châu Phi - OAPI). Chủ bằng bảo hộ giống cây trồng mất quyền kiểm soát đối với các hành vi liên quan đến vật liệu của giống cây trồng được bảo hộ trong phạm vi khu vực khi vật liệu của giống cây trồng này được chủ bằng bảo hộ hoặc người được chủ bằng bảo hộ cho phép đưa ra thị trường một (một số, hoặc tất cả) quốc gia trong khu vực. Tuy nhiên, chủ bằng bảo hộ giống cây trồng không mất quyền kiểm soát đối với các hành vi liên quan đến vật liệu của giống cây trồng được chủ bằng bảo hộ hoặc người được chủ bằng bảo hộ cho phép đưa ra thị trường một quốc gia khác ngoài khu vực khi vật liệu của giống cây trồng này được nhập khẩu vào các quốc gia trong khu vực.

*Thứ ba*, cạn quyền đối với giống cây trồng trên phạm vi toàn cầu: Chủ bằng bảo hộ giống cây trồng mất quyền kiểm soát trên phạm vi toàn cầu đối với các hành vi liên quan đến vật liệu của giống cây trồng được bảo hộ do chủ bằng bảo hộ hoặc người được chủ bằng bảo hộ cho phép đưa ra thị trường một quốc gia. Chủ bằng bảo hộ giống cây trồng không thể ngăn chặn các hành vi liên quan đến vật liệu của

<sup>6</sup> Nguyễn Như Quỳnh, *Cơ chế hết quyền sở hữu trí tuệ trong Hiệp định Trips và một số gợi ý cho các quốc gia thành viên WTO*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 18(226), tháng 9/2012.

giống cây trồng được bảo hộ trên phạm vi toàn thế giới.

Tùy theo điều kiện phát triển kinh tế xã hội và một số điều kiện khác mà một quốc gia có thể lựa chọn ban hành các quy định pháp luật áp dụng phạm quyền đối với giống cây trồng hay không và trong phạm vi nào. Để biết được Việt Nam cụ thể hóa phạm quyền đối với giống cây trồng vào quy định pháp luật như thế nào và trong phạm vi nào, tác giả sẽ phân tích luật thực định của Việt Nam về quyền đối với giống cây trồng trong phần tiếp theo.

## 2. Phạm quyền đối với giống cây trồng theo pháp luật Việt Nam

Trước khi gia nhập Công ước UPOV và ban hành Luật SHTT, Việt Nam đã có quy định về quyền đối với giống cây trồng tại Nghị định số 13/2001/NĐ-CP ngày 20/4/2001 của Chính phủ về bảo hộ giống cây trồng mới (Nghị định 13). Tuy nhiên, Nghị định 13 không có quy định nào thể hiện việc phạm quyền đối với giống cây trồng (việc này đã được Hội đồng Công ước UPOV nêu ra trong Văn bản kiểm tra sự phù hợp của Nghị định bảo hộ giống cây trồng mới của Việt Nam với Công ước UPOV năm 1991, tại mục 26)<sup>7</sup>. Trên cơ sở khuyến nghị của Hội đồng Công ước UPOV tại văn bản vừa nêu, Việt Nam đã xây dựng và ban hành Luật SHTT năm 2005 và tiếp tục gửi văn kiện gia nhập UPOV vào ngày 25/10/2005. Tại mục 27 Văn bản kiểm tra sự phù hợp của Luật Sở hữu trí tuệ của Việt

Nam với Công ước UPOV năm 1991<sup>8</sup>, Hội đồng Công ước UPOV đã đánh giá nội dung quy định về phạm quyền đối với giống cây trồng của Luật SHTT là phù hợp với Điều 16 của Công ước UPOV năm 1991. Cùng với sự phù hợp của những quy định khác về quyền đối với giống cây trồng trong Luật SHTT với Công ước UPOV năm 1991, Việt Nam đã đủ điều kiện gia nhập Công ước UPOV từ ngày 24/12/2006.

Mặc dù quy định về phạm quyền đối với giống cây trồng của Luật SHTT được nhận xét là phù hợp với quy định của Công ước UPOV, nhưng quy định của hai điều luật không phải hoàn toàn tương thích.

### 2.1. Quy định về phạm quyền đối với giống cây trồng Việt Nam trong mối tương quan với Công ước quốc tế về Bảo hộ giống cây trồng mới

Khoản 2 Điều 190 Luật SHTT quy định về hạn chế quyền của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng như sau: *Quyền đối với giống cây trồng không được áp dụng đối với các hành vi liên quan đến vật liệu của giống cây trồng được bảo hộ do chủ bằng bảo hộ hoặc người được chủ bằng bảo hộ cho phép bán hoặc bằng cách khác đưa ra thị trường Việt Nam hoặc thị trường nước ngoài, trừ các hành vi sau đây:*

a) Liên quan đến việc nhân tiếp giống cây trồng đó;

b) Liên quan đến việc xuất khẩu các vật liệu của giống cây trồng có khả năng nhân giống vào những nước không bảo hộ các

<sup>7</sup> Examination of the Conformity of the Decree on the Protection of New Plant Varieties of Viet Nam with the 1991 Act of the UPOV Convention, [https://www.wipo.int/meetings/en/doc\\_details.jsp?doc\\_id=16068](https://www.wipo.int/meetings/en/doc_details.jsp?doc_id=16068), truy cập ngày 24/12/2024.

<sup>8</sup> Examination of the Conformity of the Intellectual property law of Viet Nam with the 1991 Act of the UPOV Convention, [https://www.upov.int/meetings/en/doc\\_details.jsp?meeting\\_id=9742&doc\\_id=58675](https://www.upov.int/meetings/en/doc_details.jsp?meeting_id=9742&doc_id=58675), truy cập ngày 24/12/2024.

chi hoặc loài cây trồng đó, trừ trường hợp xuất khẩu vật liệu nhằm mục đích tiêu dùng.

Trên cơ sở quy định của khoản 2 Điều 190 Luật SHTT nêu trên, các tác giả đối chiếu với Điều 16 Công ước UPOV năm 1991 để đánh giá mức độ tương thích trên những khía cạnh như sau:

*Thứ nhất*, Điều 190 Luật SHTT quy định về hạn chế quyền của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng, vì thế, cạnh quyền đối với giống cây trồng tại khoản 2 Điều 190 chỉ là cạnh quyền của chủ bằng bảo hộ đối với giống cây trồng quy định tại Điều 186 Luật SHTT chứ không bao gồm cả quyền tác giả giống cây trồng quy định tại Điều 185 Luật SHTT. Trong khi đó, Công ước UPOV lại không có quy định phân biệt giữa tác giả giống cây trồng và chủ bằng bảo hộ giống cây trồng mà chỉ sử dụng một khái niệm chung là “người lai tạo giống” (the breeder). Tuy nhiên, nội dung quyền của người lai tạo giống tại Điều 14 Công ước UPOV lại trùng khớp với nội dung quyền của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng tại Điều 186 Luật SHTT. Như vậy, về mặt nội dung quyền đối với giống cây trồng bị “cạnh kiệt” của hai điều luật là tương thích với nhau.

*Thứ hai*, khoản 2 Điều 190 xác định đối tượng được đưa ra thị trường là “vật liệu của giống cây trồng”, nghĩa là bao gồm cả hai đối tượng quyền đối với giống cây trồng quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật SHTT (vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch). Trong khi đó, Công ước UPOV trực tiếp giải thích trong Điều 16 rằng khái niệm “vật liệu” bao gồm vật liệu nhân giống, vật liệu thu hoạch và bao gồm cả sản phẩm trực tiếp từ vật liệu thu hoạch). Mặc dù Luật SHTT không đề cập đến sản phẩm trực tiếp từ vật

liệu thu hoạch nhưng về mặt lý luận, khi quyền đối với giống cây trồng không được áp dụng đối với các hành vi liên quan đến vật liệu thu hoạch thì cũng không được áp dụng đối với những gì phát sinh trực tiếp từ vật liệu thu hoạch đó. Như vậy, nội hàm của khái niệm “vật liệu của giống cây trồng” trong hai điều luật là tương thích với nhau.

*Thứ ba*, việc quy định vật liệu của giống cây trồng được “đưa ra thị trường Việt Nam hoặc thị trường nước ngoài” tại khoản 2 Điều 190 Luật SHTT mà không xác định nước ngoài là (những) nước nào, do đó, có thể hiểu là bất kỳ quốc gia nào, hoặc nói cách khác là phạm vi cạnh quyền đối với giống cây trồng theo pháp luật Việt Nam là cạnh quyền đối với giống cây trồng trên phạm vi toàn cầu. Trong khi đó, Điều 16 Công ước UPOV chỉ giới hạn cạnh quyền trong phạm vi lãnh thổ của các bên liên quan. Như vậy, Luật SHTT quy định phạm vi cạnh quyền đối với giống cây trồng rộng hơn.

*Thứ tư*, về các ngoại lệ của cạnh quyền đối với giống cây trồng quy định tại khoản 2 Điều 190 Luật SHTT là hoàn toàn trùng khớp với quy định tại Điều 16 Công ước UPOV. Việc quy định hai ngoại lệ như trên là cần thiết để đảm bảo quyền lợi của chủ bằng bảo hộ, bởi quy định cạnh quyền đối với giống cây trồng của Luật SHTT đã giới hạn toàn bộ quyền của chủ bằng bảo hộ quy định tại Điều 186 Luật SHTT (trong khi cạnh quyền tác giả chỉ hạn chế việc phân phối, nhập khẩu để phân phối tác phẩm; cạnh quyền sở hữu công nghiệp chỉ hạn chế việc lưu thông, nhập khẩu, khai thác công dụng của sản phẩm)<sup>9</sup>.

<sup>9</sup> Mai Phạm Duy, *ltdđ*, tr.29-35.

Sự tương thích cao giữa quy định cận quyền đối với giống cây trồng của Việt Nam với quy định của Công ước UPOV như vậy nhưng vẫn không tránh khỏi tình trạng quy định cận quyền đối với giống cây trồng của Việt Nam có hiệu lực chưa rõ ràng (các tác giả không nhận định đây là hạn chế, bất cập trong quy định) nên cần nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam.

## 2.2. Hiệu lực chưa rõ ràng của quy định cận quyền đối với giống cây trồng

Cách thể hiện của khoản 2 Điều 190 Luật SHTT làm cho việc xác định nội dung của điều luật này có phải thuộc trường hợp “điều cấm của luật” như định nghĩa của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Theo đó, “điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định”<sup>10</sup>, trong khi khoản 2 Điều 190 không trực tiếp quy định việc không cho phép chủ thể nào (chủ bằng bảo hộ giống cây trồng hay chủ thể khác) thực hiện những hành vi gì. Tuy nhiên, có thể suy diễn từ tên của Điều 190 Luật SHTT là quy định về hạn chế quyền của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng để xác định chủ thể bị cấm thực hiện những hành vi nhất định là chủ bằng bảo hộ giống cây trồng. Đồng thời, những hành vi bị cấm trong điều luật này có thể dẫn chiếu từ những hành vi thuộc nội dung quyền của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng quy định tại Điều 186 Luật SHTT.

Việc xác định khoản 2 Điều 190 Luật SHTT có phải “điều cấm của luật” hay không có ý nghĩa trong việc xác định hiệu lực của điều luật này. Trong trường hợp quy

định cận quyền đối với giống cây trồng không phải “điều cấm của luật”, chủ bằng bảo hộ có thể dễ dàng loại trừ hiệu lực của quy định này bằng các loại hợp đồng mà không sợ giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật. Dù vậy, trong trường hợp xác định được quy định cận quyền đối với giống cây trồng là “điều cấm của luật” một cách trực tiếp hoặc gián tiếp như nêu trên, sẽ dẫn đến một vấn đề pháp lý rắc rối hơn, đó là xung đột giữa lý thuyết cận quyền sở hữu trí tuệ nói chung và cận quyền đối với giống cây trồng nói riêng với lý thuyết tự do ý chí trong hợp đồng<sup>11</sup>. Cụ thể, khoản 2 Điều 190 là “điều cấm của luật” cũng chỉ áp dụng với chủ thể là chủ bằng bảo hộ giống cây trồng, do đó, chủ bằng bảo hộ giống cây trồng hoàn toàn có thể thiết kế nội dung hợp đồng (phổ biến nhất là hợp đồng chuyển quyền sử dụng giống cây trồng) thể hiện bên mua vật liệu của giống cây trồng hoàn toàn tự do, tự nguyện giao kết hợp đồng với những điều khoản hạn chế quyền sử dụng, giới hạn phạm vi lãnh thổ... của người nhận chuyển quyền sử dụng - bên mua vật liệu của giống cây trồng. Hợp đồng không có nội dung nào thể hiện chủ bằng bảo hộ giống cây trồng ngăn cấm bên mua thực hiện các hành vi liên quan đến vật liệu của giống cây trồng đó nên hợp đồng sẽ không vô hiệu do vi phạm “điều cấm của luật”. Có chăng hợp đồng này có thể bị xem xét lại hiệu lực do vi phạm pháp luật về cạnh tranh hoặc thuộc trường hợp hợp đồng theo

<sup>10</sup> Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015.

<sup>11</sup> Marielle Lindgren, *Post-sale Restrictions & Exhaustion of Intellectual Property Rights*, Graduate Thesis, Master of Laws programme of Lund University, 2014.

mẫu (contract of adhesion), nhưng đó lại là một câu chuyện khác.

Như vậy, hiệu lực của quy định hạn quyền đối với giống cây trồng sẽ không rõ ràng, phụ thuộc vào quan điểm xét xử của tòa án (về những vấn đề nêu trên) khi xảy ra tranh chấp giữa các bên.

### **2.3. Đề xuất, gợi mở hướng hoàn thiện pháp luật về hạn quyền đối với giống cây trồng Việt Nam**

Quy định về hạn quyền đối với giống cây trồng là một loại giới hạn đối với chủ bằng bảo hộ giống cây trồng mà suy cho cùng là nhằm hài hòa lợi ích giữa các bên. Do đó, việc hiệu lực của quy định về hạn quyền đối với giống cây trồng chưa rõ ràng, có thể bị hạn chế hoặc loại trừ sẽ ảnh hưởng đến sự hài hòa lợi ích giữa các bên. Theo các tác giả, đây không hẳn là bất cập trong quy định pháp luật nhưng cần hoàn thiện nhằm thể hiện quan điểm của Việt Nam đối với mối tương quan lợi ích giữa chủ thể quyền và các chủ thể khác trong quan hệ pháp luật sở hữu trí tuệ. Tình trạng này không chỉ xảy ra trong pháp luật Việt Nam mà còn tồn tại ở những quốc gia khác<sup>12</sup>, do đó, Việt Nam có thể tham khảo mô hình của những quốc gia này để lựa chọn tùy theo quan điểm về hài hòa lợi ích giữa các bên như thế nào, gắn với tình hình thực tế của Việt Nam.

*Thứ nhất*, trường hợp quy định về hạn quyền đối với giống cây trồng hoàn toàn không có hiệu lực (hoặc trường hợp pháp luật quốc gia không có quy định về hạn quyền đối với giống cây trồng). Mô hình này không có giá trị tham khảo đối với Việt

Nam, bởi lẽ Luật SHTT đã có quy định về hạn quyền đối với giống cây trồng thể hiện quan điểm của Việt Nam là cần có hạn quyền đối với giống cây trồng.

*Thứ hai*, trường hợp hiệu lực của quy định về hạn quyền đối với giống cây trồng ở mức thấp, nghĩa là quy định về hạn quyền đối với giống cây trồng chỉ là một quy định pháp luật thông thường, không phải một nguyên tắc chung của luật. Quy định về hạn quyền đối với giống cây trồng vẫn có hiệu lực nhưng một khi có thỏa thuận khác giữa các bên thì hiệu lực của quy định về hạn quyền đối với giống cây trồng không còn; và khi vi phạm thỏa thuận không chỉ phát sinh trách nhiệm pháp lý do vi phạm thỏa thuận mà còn là xâm phạm quyền đối với giống cây trồng). Mô hình này có giá trị tham khảo trong trường hợp Việt Nam có quan điểm nghiêng về bảo vệ lợi ích của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng trong mối quan hệ giữa các bên. Để thực hiện mô hình này, Việt Nam cần điều chỉnh quy định của khoản 2 Điều 190 Luật SHTT theo hướng không phải “điều cấm của luật” một cách rõ ràng; giữ nguyên hoặc tách quy định này thành một điều luật riêng và bổ sung cụm từ “trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.

*Thứ ba*, trường hợp hiệu lực của quy định về hạn quyền đối với giống cây trồng ở mức trung bình. Tương tự như trường hợp thứ hai, tuy nhiên, việc vi phạm thỏa thuận chỉ phát sinh trách nhiệm pháp lý do vi phạm thỏa thuận mà không phải hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng. Mô hình này có giá trị tham khảo trong trường hợp Việt Nam có quan điểm không nghiêng về bảo vệ lợi ích của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng trong mối quan hệ giữa

<sup>12</sup> Ariel Katz, *The First Sale Doctrine and the Economics of Post-Sale Restraints*, *BYU L. Rev.*, Issue 1 Volume 2014, pp.55-142.

các bên mà đề cao tự do ý chí của các bên trong hợp đồng (dù rằng hệ quả của mô hình này vẫn tương đối có lợi hơn đối với chủ bằng bảo hộ giống cây trồng). Để thực hiện mô hình này, Việt Nam cũng cần điều chỉnh quy định tương tự như đối với mô hình thứ hai, tuy nhiên, cần bổ sung nội dung quy định hành vi vi phạm thỏa thuận giữa các bên (nhằm tránh áp dụng cam quyền đối với giống cây trồng) sẽ không phải hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng.

*Thứ tư*, trường hợp hiệu lực của quy định về cam quyền đối với giống cây trồng ở mức cao, nghĩa là quy định về cam quyền đối với giống cây trồng là một nguyên tắc chung của luật và hiệu lực của quy định về cam quyền đối với giống cây trồng không bị ảnh hưởng bởi thỏa thuận giữa các bên, ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt các bên chứng minh được thỏa thuận là chính đáng và được Tòa án chấp thuận. Mô hình này có giá trị tham khảo trong trường hợp Việt Nam có quan điểm ủng hộ hài hòa lợi ích giữa các bên. Mô hình này tương đồng với thực trạng quy định pháp luật của Việt Nam như các tác giả đã phân tích nêu trên. Dù vậy, Việt Nam cũng cần điều chỉnh quy định của khoản 2 Điều 190 Luật SHTT theo hướng đây là “điều cấm của luật” một cách rõ ràng.

*Thứ năm*, trường hợp hiệu lực của quy định về cam quyền đối với giống cây trồng ở mức tuyệt đối, không có yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến hiệu lực của quy định về cam quyền đối với giống cây trồng. Mô hình này có giá trị tham khảo trong trường hợp Việt Nam có quan điểm ủng hộ hài hòa lợi ích giữa các bên một cách cứng rắn. Để thực hiện mô hình này, Việt Nam cần điều chỉnh

quy định của khoản 2 Điều 190 Luật SHTT theo hướng đây là “điều cấm của luật”, đồng thời, tách quy định này ra một điều luật riêng để áp dụng chung cho các chủ thể chứ không chỉ riêng đối với chủ bằng bảo hộ giống cây trồng. Do Điều 190 Luật SHTT quy định hạn chế quyền của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng nên nếu giữ lại khoản 2 Điều 190 Luật SHTT thì dù là “điều cấm của luật” cũng chỉ áp dụng đối với chủ bằng bảo hộ mà không áp dụng với chủ thể khác. Chủ bằng bảo hộ giống cây trồng vẫn có thể tránh áp dụng cam quyền đối với giống cây trồng bằng các loại hợp đồng với chủ thể khác như đã phân tích ở phần trên.

### 3. Kết luận

Luật SHTT một mặt vừa khuyến khích sự sáng tạo thông qua các quy định bảo hộ quyền đối với giống cây trồng nhưng mặt khác vẫn phải đảm bảo lợi ích chung trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa các chủ thể bằng các quy định giới hạn quyền của chủ bằng bảo hộ giống cây trồng, trong đó có quy định về cam quyền đối với giống cây trồng. Tuy nhiên, hiệu lực của quy định này hiện nay còn chưa rõ ràng do Việt Nam chưa có quan điểm chính thức về mối tương quan lợi ích giữa chủ thể quyền và các chủ thể khác, rộng hơn nữa là quan điểm về mối quan hệ giữa lý thuyết cam quyền sở hữu trí tuệ với lý thuyết về hợp đồng.

Trên cơ sở phân tích mô hình của một số quốc gia và giả định quan điểm của Việt Nam tương ứng với từng trường hợp, các nhà làm luật có thể lựa chọn một mô hình áp dụng cam quyền đối với giống cây trồng phù hợp nhất với tình hình thực tiễn của Việt Nam.